

PHỤ LỤC I
ĐIỀU CHỈNH VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2023 của UBND huyện Kon Rẫy)

STT	Nội dung chi trước khi điều chỉnh theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 16/2/2022			Nội dung điều chỉnh			
	Nội dung chi	Kinh phí được sử dụng	Đơn vị thực hiện	Nội dung chi	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Kinh phí được sử dụng sau khi điều chỉnh
(1)	(2)	(3)					(4)
I	VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM 2023	900.000.000		VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM 2023	610.200.000	610.200.000	900.000.000
1	Kinh phí trồng rừng	618.300.000	Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn	Kinh phí trồng rừng		328.500.000	289.800.000
2				Đối ứng Dự án 1 Chương trình MTQG gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi (Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất)	221.100.000	0	221.100.000
a				Đối ứng năm 2022 chuyển sang năm 2023	111.600.000	0	111.600.000
-				Hỗ trợ đất ở	16.000.000	0	16.000.000
+				Thị trấn Đăk Rve	4.000.000		4.000.000
+				Xã Đăk Tô Re	4.000.000		4.000.000
+				Xã Đăk Kôi	4.000.000		4.000.000
+				Xã Đăk Pnê	4.000.000		4.000.000
-				Hỗ trợ nhà ở	48.000.000	0	48.000.000
+				Thị trấn Đăk Rve	12.000.000		12.000.000
+				Xã Đăk Tô Re	16.000.000		16.000.000

STT	Nội dung chi trước khi điều chỉnh theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 16/2/2022			Nội dung điều chỉnh			
	Nội dung chi	Kinh phí được sử dụng	Đơn vị thực hiện	Nội dung chi	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Kinh phí được sử dụng sau khi điều chỉnh
(1)	(2)	(3)					(4)
+				Xã Đăk Kôi	12.000.000		12.000.000
+				Xã Đăk Pnê	8.000.000		8.000.000
-				Hỗ trợ đất sản xuất	47.600.000	0	47.600.000
+				Thị trấn Đăk Rve	11.250.000		11.250.000
+				Xã Đăk Tờ Re	11.250.000		11.250.000
+				Xã Đăk Kôi	11.250.000		11.250.000
+				Xã Đăk Pnê	9.350.000		9.350.000
+				Xã Tân Lập	2.250.000		2.250.000
+				Xã Đăk Ruông	2.250.000		2.250.000
b				Đối ứng năm 2023	109.500.000	0	109.500.000
-				Hỗ trợ đất ở	20.000.000	0	20.000.000
+				Thị trấn Đăk Rve	4.000.000		4.000.000
+				Xã Đăk Tờ Re	4.000.000		4.000.000
+				Xã Đăk Kôi	4.000.000		4.000.000
+				Xã Đăk Pnê	4.000.000		4.000.000
+				Xã Đăk Ruông	4.000.000		4.000.000
-				Hỗ trợ nhà ở	40.000.000	0	40.000.000
+				Thị trấn Đăk Rve	8.000.000		8.000.000
+				Xã Đăk Tờ Re	12.000.000		12.000.000
+				Xã Đăk Kôi	12.000.000		12.000.000
+				Xã Đăk Pnê	8.000.000		8.000.000
-				Hỗ trợ đất sản xuất	49.500.000	0	49.500.000
+				Thị trấn Đăk Rve	11.250.000		11.250.000
+				Xã Đăk Tờ Re	11.250.000		11.250.000

STT	Nội dung chi trước khi điều chỉnh theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 16/2/2022			Nội dung điều chỉnh			
	Nội dung chi	Kinh phí được sử dụng	Đơn vị thực hiện	Nội dung chi	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Kinh phí được sử dụng sau khi điều chỉnh
(1)	(2)	(3)					(4)
+				Xã Đăk Kôi	13.500.000		13.500.000
+				Xã Đăk Pnê	9.000.000		9.000.000
+				Xã Tân Lập	2.250.000		2.250.000
+				Xã Đăk Ruông	2.250.000		2.250.000
3				Sửa chữa và mua sắm trang thiết bị phòng phòng họp Huyện uỷ	107.400.000		107.400.000
4	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải tạo và trồng mới cây xanh trên địa bàn	281.700.000	Trung tâm môi trường và Dịch vụ đô thị huyện	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải tạo vỉa hè và trồng mới cây xanh dọc Quốc lộ 24	281.700.000	281.700.000	281.700.000

DVT: Đồng

	Ghi chú
Đơn vị thực hiện	
(5)	(6)
Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn	
Hỗ trợ đất ở	
UBND thị trấn Đăk Rve	
UBND xã Đăk Tờ Re	
UBND xã Đăk Kôi	
UBND xã Đăk Pnê	
Hỗ trợ nhà ở	
UBND thị trấn Đăk Rve	
UBND xã Đăk Tờ Re	

	Ghi chú
Đơn vị thực hiện	
(5)	(6)
UBND xã Đăk Kôi	
UBND xã Đăk Pnê	
Hỗ trợ đất sản xuất	
UBND thị trấn Đăk Rve	
UBND xã Đăk Tờ Re	
UBND xã Đăk Kôi	
UBND xã Đăk Pnê	
Xã Tân Lập	
Xã Đăk Ruông	
Hỗ trợ đất ở	
Thị trấn Đăk Rve	
Xã Đăk Tờ Re	
Xã Đăk Kôi	
Xã Đăk Pnê	
Xã Đăk Ruông	
Hỗ trợ nhà ở	
Thị trấn Đăk Rve	
Xã Đăk Tờ Re	
Xã Đăk Kôi	
Xã Đăk Pnê	
Hỗ trợ đất sản xuất	
Thị trấn Đăk Rve	
Xã Đăk Tờ Re	

	Ghi chú
Đơn vị thực hiện	
(5)	(6)
Xã Đăk Kôi	
Xã Đăk Pnê	
Xã Tân Lập	
Xã Đăk Ruông	
Văn phòng Huyện ủy	
Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	